



Tính từ

- Giống với tiếng Việt, tiếng Nhật cũng có từ loại Tính từ: dùng để nói về tính chất, đặc trưng, tình hình, trạng thái của con người, sự vật, sự việc... nào đó.
- Tính từ trong tiếng Nhật được chia làm 2 loại:
 - ① Tính từ đuôi 「い」 : ký hiệu là Aい
 - ② Tính từ đuôi 「な」 : ký hiệu là Aな

文型
01

(Nは) Aいです。

→ N (có tính chất, đặc điểm) Aい

Các phó từ chỉ mức độ :

- ちょっと (một chút)
- すこし (hơi hơi)
- まあまあ (bình thường, tạm tạm)
- とても (rất)
- ほんとう 本当に (thật sự)

+ Aい



1 ^{きょう}今日は ^{あつ}暑いです。

2 ^{まいにち}毎日 ^{いそが}忙しいです。

3 ^{りょうり}ベトナム料理は とても おいしいです。

4 この ^{みせ}店は ^{ほんとう}本当に ^{やす}安いですね。

5  → ^{おい}美味しい。